

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/DS-PT

Ngày: 07- 8- 2020

V/v tranh chấp “Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1930; trú tại: Tổ 3, ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của cụ B: bà **Trần Thị H**, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 3, ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh theo giấy ủy quyền ngày 23 tháng 11 năm 2018 (có mặt)

Bị đơn: Chị **Trần Thị Mỹ Th**, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 3, ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 3, khu phố T, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị H1: Ông **Nguyễn Văn Ch** là luật sư, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ch thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Cụ **Võ Thị H3**, sinh năm 1928; trú tại: Tổ 3, ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1950; trú tại: Tổ 3, ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cụ Nguyễn Thị B và đại diện ủy quyền của cụ B là bà Trần Thị H trình bày:

Cụ Nguyễn Thị B có 01 phần đất tọa lạc tại ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, chị Trần Thị Mỹ Th là cháu ngoại của cụ ở chung với cụ từ nhỏ nên cụ có cho chị Th 01 phần đất trong phần đất cụ đang ở, phần đất cụ cho chị Th có chiều ngang 5m dài hết đất, phần còn lại có căn nhà thờ và hơn 10m đất ngang cụ để thờ cúng ông bà và sinh sống, khi đi làm thủ tục tặng cho phần đất cho chị Th thì chị Th đưa cho cụ ký hồ sơ luôn cả phần đất cụ để thờ cúng cùng căn nhà mà cụ không biết. Sau khi chị Th đem giấy đất đã được chuyển nhượng đi vay Ngân hàng, Ngân hàng đến thẩm định tài sản thì cụ mới biết là đất cùng căn nhà dùng vào việc thờ cúng đã tặng cho chị Th toàn bộ. Cụ B đã yêu cầu chị Th trả lại đất thì chị Th cùng chồng là anh Nguyễn Văn H4 có làm bản cam kết ký tên với nội dung là có mượn của cụ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL: 046587 cấp ngày 02/10/2012 để vay vốn Ngân hàng, trong thời hạn 01 năm sẽ trả và sang tên lại cho cụ (có giấy cam kết) nhưng chị Th không thực hiện.

Nay chị Th bán luôn phần đất có nhà thờ cúng cho chị Phạm Thị H1 trong khi vụ án đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết nên cụ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ và chị Th của phần đất có căn nhà thờ để cụ thờ cúng ông, bà có chỗ ở, cụ vẫn đồng ý cho chị Th phần đất 5m ngang, dài hết đất như đã hứa không tranh chấp phần đất đã cho chị Th.

Theo bị đơn chị Trần Thị Mỹ Th trình bày:

Chị Th thừa nhận cụ Nguyễn Thị B (là bà Ngoại chị) có cho mẹ chị là bà Trần Thị H5 phần đất ngang 5m dài hết đất kế bên đất tranh chấp nhưng do mẹ chị đi làm ăn nên để chị đứng tên, hiện giấy đất trên mẹ chị đang giữ. Phần đất còn lại có căn nhà thờ thì bà Ngoại nói cho chị Th để quản lý làm nhà thờ cúng đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, chị Th đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có làm hợp đồng tặng cho đất, không làm thủ tục tặng cho nhà (đất chiều ngang 8,3m, dài hết đất), hiện nay do làm ăn thất bại nên chị có làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất có căn nhà thờ cho chị Phạm Thị

H1 vào tháng 06 năm 2019, giá bán là 150.000.000 đồng, thỏa thuận với chị H1 trong 01 năm sẽ chuộc lại với giá thỏa thuận, hiện nay đất trên đã sang nhượng cho chị H1 đứng tên, bán đất không bán nhà.

Nhà và đất đã được bà Ngoại cho rồi nên thuộc về chị nên chị muốn bán tặng cho gì thuộc quyền của chị, không đồng ý trả lại. Sau này nếu chị lấy lại nhà thì cũng để thờ cúng ông, bà.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Võ Thị H3 và ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Cụ H3 và ông Đ sống chung với cụ B (ông Đ là con ruột của cụ B), có chung hộ khẩu, phần đất cụ B tranh chấp là chỗ ở duy nhất của H3 chị em và ông Đ, là nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, cụ B đã cho chị Th 01 phần đất để ở đã chuyển nhượng, chị Th đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần còn lại là để các cụ sinh sống và thờ cúng. Chị Th tự ý làm thủ tục tặng cho chính chị tiếp phần đất duy nhất còn lại của cụ B không báo cho cụ biết là không đúng. Nay cụ H3 và ông Đ thống nhất theo đơn khởi kiện của cụ B, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa chị Th với cụ B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H1 trình bày:*

Do chị Th có nhu cầu bán đất, chị H1 là người mua đất. Ngày 21 tháng 01 năm 2019 chị và chị Th có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng Công chứng số 3 tỉnh Tây Ninh với nội dung là chị Th đồng ý sang nhượng phần đất có diện tích 578,3m², tại thửa số 507, tờ bản đồ số 34 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CS05352 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12 tháng 12 năm 2018 cho chị Trần Thị Mỹ Th (là phần đất cụ B đang tranh chấp, có căn nhà thờ trên đất). Hai bên sang nhượng phần đất trên giá 200 triệu đồng nhưng chỉ ghi trong hợp đồng là 150 triệu đồng, thủ tục đã xong hiện đất trên do chị H1 đứng tên theo giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ cấp giấy số: CS06093 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17 tháng 6 năm 2019 cho chị Phạm Thị H1. Khi hai bên có thỏa thuận trong 01 năm chị Th chuộc lại nhà thì chị H1 cho chuộc theo giá thỏa thuận tại thời điểm chuộc đất. Khi mua bán đất và nhà luôn nhưng không có chứng cứ về việc mua nhà.

Nay chị H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của cụ B, vì đất trên là của chị đã mua bán xong nếu có tiền thì bán lại theo giá thỏa thuận. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị và chị Th, nếu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B và chị Th bị hủy thì yêu cầu chị Th bồi thường giá trị đất theo giá Hội đồng đã định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B về tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với chị Trần Thị Mỹ Th.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 517; quyền số 01/TP-CC/SCC/HĐGD ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa cụ Nguyễn Thị B với chị Trần Thị Mỹ Th đối với phần diện tích đất 578,3m², thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 293121 (số vào sổ GCN CS 05352) do Sở Tài Nguyên và Môi trường, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2018 do chị Trần Thị Mỹ Th đứng tên, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vô hiệu. Quyền sử dụng phần đất 610,0m², thửa số 302, tờ bản đồ số 25 vẫn là tài sản của cụ Nguyễn Thị B.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị H1 là công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H1 và chị Trần Thị Mỹ Th.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 170; quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa chị Trần Thị Mỹ Th với chị Phạm Thị H1 đối với phần diện tích đất 578,3m², thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 180575 (số vào sổ GCN CS 06093) do Sở Tài Nguyên và Môi trường, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2019 do chị Phạm Thị H1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

Buộc chị Trần Thị Mỹ Th có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị H1 số tiền đất đã nhận và tiền bồi thường thiệt hại cho chị H1 tổng số tiền là 309.179.000 (Ba trăm lẻ chín triệu một trăm bảy mươi chín ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/11/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/02/2020 chị Phạm Thị H1 kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H1 với chị Th có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị H1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Th và chị H1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H1 kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên chấp nhận đơn kháng cáo của chị H1 để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Chị H1 kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H1 với chị Th có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của chị H1 thấy rằng:

Cụ B thừa nhận có tặng cho chị Th 01 phần đất có chiều ngang 5m, dài hết đất kế bên phần đất đang tranh chấp, việc tặng cho này đã được các bên thực hiện xong, chị Th đã được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại có căn nhà thờ trên đất là cụ B để thờ cúng ông bà từ trước đến nay, là phần đất duy nhất còn lại để cụ, cụ H3 và ông Đ sinh sống tuổi già, khi đi làm thủ tục tặng cho phần đất cho chị Th thì chị Th đưa cho cụ ký hồ sơ luôn cả phần đất cụ để thờ cúng cùng căn nhà mà cụ không biết. Sau khi chị Th đem giấy đất đã được chuyển nhượng đi vay Ngân hàng, Ngân hàng đến thẩm định tài sản thì cụ mới biết là đất cùng căn nhà dùng vào việc thờ cúng đã tặng cho chị Th toàn bộ. Cụ B đã yêu cầu chị Th trả lại đất thì ngày 28 tháng 10 năm 2018 chị Th cùng chồng là anh Nguyễn Văn H4 có làm cam kết mượn phần đất trên của cụ B trong thời hạn 01 năm trả lại và làm thủ tục sang tên lại cho cụ B, nếu cụ B đồng ý tặng cho luôn chị Th phần đất thờ cúng thì không yêu cầu chị Th làm cam kết trả lại đất. Như vậy chị Th đã thừa nhận là phần đất trên cụ B không tặng cho chị, không có sự đồng ý của cụ, cụ không biết việc tặng cho này mà tự chị Th làm thủ tục tặng cho chính mình, là có sự lừa dối, trong khi cụ B đã tặng cho chị 01 phần đất liền kề phần đất tranh chấp rồi.

- Khi cụ B khởi kiện vụ án đã được Tòa án thụ lý ngày 07 tháng 12 năm 2018, chị Th biết việc Tòa đang giải quyết vụ án, chưa có quyết định của tòa, thì ngày 21 tháng 01 năm 2019 chị Th lại làm thủ tục chuyển nhượng tiếp phần đất đang tranh chấp trên cho chị Phạm Thị H1 và chị H1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm, có ý

xem thường pháp luật. Chị Th trình bày chuyển nhượng đất cho chị H1 nhưng căn nhà không bán và trong hợp đồng tặng cho cũng không nêu có tặng cho căn nhà. Việc không bán căn nhà có sự thừa nhận của chị Th và thống nhất với ý kiến của cụ B là cụ B là không tặng cho nhà. Chị H1 cũng xác định trên đất có căn nhà và mua luôn căn nhà nhưng chị không chứng minh được là có mua căn nhà, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Th với chị H1 ngày 21/01/2019 cũng thể hiện chuyển nhượng đất, không thể hiện chuyển nhượng tài sản trên đất. Chị Th xác nhận chỉ có bán đất cho chị H1 chứ không bán nhà và trên hợp đồng chỉ có mua bán đất chứ không có nhà. Căn nhà gắn liền với đất, chị H1 mua đất của một người mà căn nhà là của một người khác và đang tranh chấp Tòa án đang giải quyết là không phù hợp. Chị Th biết rõ là đất, nhà không phải của mình mà làm thủ tục chuyển nhượng cho chị H1 là vi phạm nghiêm trọng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chị H1 nên cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B với chị Th vô hiệu, từ đó tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Th với chị H1 vô hiệu là có căn cứ. Cấp sơ thẩm cũng xác định chị Th phải chịu trách nhiệm chính gây ra lỗi này nên cần buộc chị Th chịu trách nhiệm lỗi 8 phần và chị H1 chịu 2 phần lỗi là phù hợp.

Chị H1 kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị H1 phải chịu tiền án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 126/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B về tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với chị Trần Thị Mỹ Th.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 517; quyền số 01/TP-CC/SCC/HĐGD ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa cụ Nguyễn Thị B với chị Trần Thị Mỹ Th đối với phần diện tích đất 578,3m², thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 293121 (số vào sổ GCN CS 05352) do Sở Tài Nguyên và Môi trường, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2018 do chị Trần Thị Mỹ Th đứng tên, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vô hiệu. Quyền sử dụng phần đất 610,0m², thửa số 302, tờ bản đồ số 25 vẫn là tài sản của cụ Nguyễn Thị B.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị H1 là công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H1 và chị Trần Thị Mỹ Th.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 170; quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa chị Trần Thị Mỹ Th với chị Phạm Thị H1 đối với phần diện tích đất 578,3m², thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 180575 (số vào sổ GCN CS 06093) do Sở Tài Nguyên và Môi trường, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2019 do chị Phạm Thị H1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

Buộc chị Trần Thị Mỹ Th có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị H1 số tiền đất đã nhận và tiền bồi thường thiệt hại cho chị H1 tổng số tiền là 309.179.000 (Ba trăm lẻ chín triệu một trăm bảy mươi chín ngàn) đồng.

4. Về chi phí thẩm định và đo đạc đất: Chị Th phải chịu 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng. Số tiền này cụ Nguyễn Thị B đã nộp. Buộc chị Th có trách nhiệm trả lại cho cụ B số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

5. Về án phí:

Cụ Nguyễn Thị B không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Chị Trần Thị Mỹ Th phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự cho yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và 15.459.000 (mười lăm triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn) đồng tiền án phí buộc bồi thường thiệt hại.

Chị Phạm Thị H1 phải chịu và 300.000 đồng cho yêu cầu độc lập của chị nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000005 ngày 13/11/2019 của chi cục Thi hành án huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chị H1 đã nộp đủ án phí.

Kiến nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 293121 (số vào sổ GCN CS 05352) cấp cho chị Trần Thị Mỹ Th vào ngày 12 tháng 12 năm 2018 có tổng diện tích 578,3m², tại thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR180575 (số vào sổ GCN CS 06093) cấp cho chị Phạm Thị H1 vào ngày 17 tháng 6 năm 2019 có tổng diện tích 578,3m², tại thửa số 507, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại ấp TH (TN), xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000017 ngày 26/11/2019 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Tân Châu, ghi nhận đã nộp đủ.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GDKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình